

Số: 2033/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án phát triển sản xuất và tiêu thụ cá tra
vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tờ trình số 2841/TTr-BNN-NTTS ngày 08 tháng 9 năm 2009 và công văn số 3347/BC-BNN-NTTS ngày 15 tháng 10 năm 2009),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển sản xuất và tiêu thụ cá tra vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát huy lợi thế và khả năng cạnh tranh cao, phát triển nuôi cá tra vùng đồng bằng sông Cửu Long theo hướng công nghiệp, phấn đấu trở thành một ngành hàng xuất khẩu chủ lực của đất nước; đồng thời tạo việc làm, cải thiện đời sống nông, ngư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Trung ương về nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong giai đoạn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phát triển sản xuất cá tra đến năm 2010 đạt sản lượng cá nguyên liệu 1,5 triệu tấn, sản phẩm xuất khẩu đạt 600 nghìn tấn, tiêu thụ nội địa 100 nghìn tấn và giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 1,5 tỷ USD, tạo việc làm cho 20 vạn lao động;

- Đến năm 2015 sản lượng cá nguyên liệu đạt 1,8 triệu tấn, sản phẩm xuất khẩu đạt 750 nghìn tấn, tiêu thụ nội địa 150 nghìn tấn; giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 2,2 tỷ USD, tạo việc làm cho 23 vạn lao động;

- Đến năm 2020 sản lượng cá nguyên liệu đạt 2,0 triệu tấn, sản phẩm xuất khẩu 900 nghìn tấn, tiêu thụ nội địa 200 nghìn tấn, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 3,0 tỷ USD, tạo việc làm cho 25 vạn lao động.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Tổ chức lại sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

- Hình thành các vùng nuôi tập trung, sản lượng lớn, gắn với cơ sở chế biến theo quy hoạch phát triển của địa phương;

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh tế tập thể, kinh tế trang trại theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá;

- Hình thành hệ thống thu gom, chế biến, tiêu thụ sản phẩm bảo đảm gắn kết chặt chẽ với vùng sản xuất nguyên liệu.

2. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ cho các vùng nuôi tập trung theo quy hoạch của các địa phương;

- Xây dựng hệ thống sản xuất giống từ trung ương đến địa phương và cơ sở bảo đảm chất lượng, sạch bệnh, giá cả hợp lý, đủ cung cấp cho người nuôi;

- Xây dựng và hình thành hệ thống trạm quan trắc cảnh báo môi trường và dịch bệnh tại các địa phương có vùng nuôi lớn;

- Xây dựng các trung tâm kiểm nghiệm, khảo nghiệm con giống, thức ăn, chế phẩm sinh học ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long.

3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất giống, nuôi thương phẩm, sản xuất thức ăn, xử lý môi trường nuôi,... để nâng cao chất lượng sản phẩm.

4. Xây dựng hệ thống thống kê, dự báo thị trường và nâng cao năng lực cho hoạt động xúc tiến thương mại.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về quản lý quy hoạch

- Phát triển nuôi cá tra chủ yếu ở khu vực ven sông Tiền và sông Hậu, với diện tích tối đa năm 2015 là 11.000 ha và năm 2020 là 13.000 ha;

Trong năm 2009, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sản xuất và tiêu thụ cá tra cho các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Các cơ sở nuôi cá tra mới có quy mô 10 ha trở lên, phải nằm trong vùng sản xuất theo quy hoạch, có cơ sở hạ tầng phù hợp với sản xuất công nghiệp. Rà soát, bố trí lại các cơ sở hiện có phù hợp quy hoạch, bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn dịch bệnh;

- Hình thành và phát triển các cơ sở chế biến cá tra tại các vùng nuôi theo quy hoạch hoặc ở những trung tâm nghề cá của địa phương, bảo đảm phát triển sản xuất đi đôi với chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

2. Tổ chức lại sản xuất

- Tổ chức lại sản xuất theo hướng gắn kết chặt chẽ và bảo đảm hài hoà lợi ích giữa các khâu nuôi, thu mua, chế biến và xuất khẩu. Tổ chức lại các hộ nuôi cá tra theo mô hình quản lý cộng đồng (nhóm hộ, Hiệp hội nuôi cá tra) và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh tế tập thể: Hợp tác xã, Tổ hợp tác;

- Bố trí, sắp xếp lại hệ thống các cơ sở chế biến và tiêu thụ phù hợp với các vùng sản xuất nguyên liệu; thực hiện nguyên tắc nhà máy chế biến phải có vùng nguyên liệu, có trách nhiệm ký kết và thực hiện hợp đồng thu mua nguyên liệu với người nuôi để bảo đảm nguồn nguyên liệu ổn định;

- Tại các vùng sản xuất hình thành các cơ sở thu gom, bao tiêu sản phẩm cho người nuôi, các đại lý cung cấp thức ăn, thuốc thú y, các sản phẩm khác phục vụ nuôi cá, bảo đảm chất lượng các sản phẩm dịch vụ, giá cả hợp lý và tăng sự gắn kết với lợi ích của người nuôi;

- Phát huy vai trò của các Hội, Hiệp hội trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, là cầu nối để tổ chức liên kết giữa các khâu của quá trình sản xuất, tiêu thụ giữa các hội viên với các tổ chức và cơ quan quản lý nhà nước.

3. Về sản xuất giống, thức ăn và chế biến, xuất khẩu cá tra

- Đến năm 2015 hoàn thành việc thay thế toàn bộ giống cá tra ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, bảo đảm giống có chất lượng cao, sạch bệnh;

- Thực hiện việc công bố chất lượng sản phẩm, ghi nhãn bao bì đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn thuốc thú y, sản phẩm cải tạo môi trường,... phục vụ nuôi cá tra, bảo đảm kiểm soát được chất lượng sản phẩm phục vụ nuôi trồng thủy sản;

- Thực hiện việc công bố và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm đã công bố đối với các cơ sở chế biến để giám sát hoạt động quá trình sản xuất của cơ sở; thực hiện kiểm dịch, kiểm tra chất lượng và cấp Giấy chứng nhận đối với tất cả các sản phẩm cá tra xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;

- Ban Chỉ đạo sản xuất và tiêu thụ cá tra vùng đồng bằng sông Cửu Long chỉ đạo, điều hành sản xuất và xuất khẩu cá tra bảo đảm sự phát triển ổn định; đồng thời tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu;

- Tăng cường vai trò chỉ đạo của Hiệp hội Chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) nhằm tập trung và thống nhất sự liên kết của các thành viên, tạo sức cạnh tranh, giữ uy tín hàng thủy sản Việt Nam trên thị trường quốc tế; đồng thời có lợi cho doanh nghiệp và Hiệp hội.

4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo về sản xuất và tiêu thụ cá tra vùng đồng bằng sông Cửu Long để chỉ đạo, điều hành, chủ động xử lý kịp thời những khó khăn vướng mắc trong sản xuất và tiêu thụ cá tra vùng đồng bằng sông Cửu Long;

Trước mắt kiện toàn, củng cố bộ máy và nâng cao năng lực cho các đơn vị chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và ở địa phương để đáp ứng nhiệm vụ;

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn nhằm quản lý nhà nước trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ sản xuất và xuất khẩu thủy sản, quản lý môi trường, quản lý quy hoạch,... có hiệu quả;

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, các thủ tục hành chính gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp, người sản xuất; tiếp tục thực hiện việc phân cấp cho địa phương, cơ sở trong việc quản lý chất lượng giống, thức ăn, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học và xử lý môi trường; đẩy nhanh tiến độ xã hội hoá các dịch vụ công ở một số lĩnh vực có đủ điều kiện.

- Xây dựng hệ thống thống kê và dự báo về tình hình sản xuất, tiêu thụ; quan trắc, cảnh báo về môi trường dịch bệnh; tiến hành đánh số vùng nuôi để thực hiện truy xuất nguồn gốc để phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất và tiêu thụ cá tra;

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh việc tuân thủ các quy định pháp luật về kiểm tra, chứng nhận điều kiện sản xuất, kinh doanh bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và giữ gìn môi trường.

5. Về cơ chế, chính sách

a) Cơ chế đầu tư

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích các hộ nông, ngư dân thành lập các tổ chức kinh tế tập thể nuôi thủy sản; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất và bảo vệ môi trường, bảo vệ

nguồn lợi; xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại; hỗ trợ rủi ro trong nuôi trồng thủy sản; hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với các khoản vay của cơ sở chế biến thu mua lượng cá tra tồn đọng...;

- Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách đã ban hành về đầu tư, tín dụng hỗ trợ cho sản xuất giống, sản xuất thức ăn, nuôi, kiểm soát môi trường, dịch bệnh và chế biến xuất khẩu.

b) Tín dụng

Tiếp tục thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi theo Nghị định số 151/2006/NĐ-CP về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu và Nghị định số 106/2008/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 151/2006/NĐ-CP; nghiên cứu chính sách cho vay bảo đảm đủ vốn cho các doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ cá tra đầu tư xây dựng ao nuôi, kho đông lạnh thương mại và đầu tư các trang thiết bị chế biến hàng giá trị gia tăng (hàng chế biến sẵn, bao gói nhỏ, sử dụng sau gia nhiệt và hàng chế biến ăn liền)...

6. Vốn thực hiện Đề án

Vốn thực hiện Đề án được huy động từ nhiều nguồn: ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn của các doanh nghiệp, của các hộ gia đình và cá nhân.

Trong đó:

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ:

+ Đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi cấp I (cấp, tiêu nước), cung cấp điện phục vụ sản xuất; công trình xử lý môi trường cho vùng nuôi, vùng sản xuất giống tập trung, có quy mô lớn;

+ Nghiên cứu khoa học và nhập công nghệ về sản xuất giống và giữ giống gốc, bệnh cá, nuôi thân thiện với môi trường và xử lý môi trường nuôi;

+ Xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi, Trung tâm khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đặt tại vùng đồng bằng sông Cửu Long.

b) Ngân sách địa phương: đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi cấp II (cấp, tiêu nước); nâng cấp 4 trung tâm cấp vùng sản xuất giống cá tra chất lượng cao, sạch bệnh tại các tỉnh: An Giang, Đồng Tháp, Bến Tre và thành phố Cần Thơ; xây dựng phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm chất lượng thức ăn, chế phẩm sinh học, chất lượng sản phẩm và kiểm định chất lượng giống cá tra tại các địa phương; đền bù giải phóng mặt bằng các vùng sản xuất theo quy hoạch;

c) Vốn của các thành phần kinh tế

- Các doanh nghiệp, chủ trang trại: đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng cho vùng nuôi, các cơ sở sản xuất giống theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng mới hoặc nâng cấp cơ sở chế biến theo hướng công nghiệp, hiện đại; quảng bá thương hiệu và xúc tiến thương mại;

- Cá nhân, hộ gia đình: đầu tư xây dựng các ao nuôi; hệ thống cấp, thải nước từ kênh mương cấp, thoát nước cấp II; mua giống, thức ăn, thuốc, hóa chất phòng trừ dịch bệnh và xử lý môi trường ao nuôi.

7. Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án

a) Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án đến năm 2020: là 1.340 tỷ đồng;

b) Phân kỳ đầu tư theo giai đoạn

- Giai đoạn 2009 - 2015: 800 tỷ đồng;

- Giai đoạn 2016 - 2020: 540 tỷ đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng và Ban Chỉ đạo sản xuất và tiêu thụ cá tra vùng đồng bằng sông Cửu Long phối hợp với các địa phương liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

- Ban hành, hướng dẫn các quy định về kiểm tra, quản lý các cơ sở nuôi, sản xuất và chế biến cá tra; rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển sản xuất và tiêu thụ cá tra vùng đồng bằng sông Cửu Long;

- Xây dựng và ban hành các quy chuẩn và tăng cường kiểm tra, xử lý về chất lượng giống, thức ăn, chất lượng sản phẩm, quản lý môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và thú y thủy sản;

- Chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam có biện pháp cụ thể để quản lý chất lượng, giá cả xuất khẩu.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cân đối, bố trí đủ nguồn vốn để các địa phương thực hiện các nhiệm vụ; nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn cơ chế tài chính để triển khai, thực hiện có hiệu quả; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu việc bổ sung danh mục được hưởng cơ chế lãi suất tín dụng đầu tư nhà nước theo Nghị định số 151/2006/NĐ-CP và Nghị định số 106/2008/NĐ-CP.

3. Bộ Công thương: chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hiệp hội Chế biến xuất khẩu thủy sản Việt Nam chấn chỉnh lại công tác thị trường xuất khẩu cá tra, đổi mới và tăng cường xúc tiến thương

mại, xử lý kịp thời các vướng mắc, rào cản thương mại ở các thị trường nhập khẩu cá tra để giữ được thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới; đồng thời có kế hoạch, biện pháp cụ thể để phát triển thị trường nội địa.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: tiếp tục nghiên cứu tháo gỡ những khó khăn vướng mắc về điều kiện vay và thủ tục giải ngân đối với các hộ nuôi, sản xuất giống, chế biến và tiêu thụ cá tra vùng đồng bằng sông Cửu Long; chỉ đạo các ngân hàng thương mại hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tiếp cận với nguồn vốn vay để phát triển sản xuất và tiêu thụ cá tra vùng đồng bằng sông Cửu Long.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long: phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nuôi, chế biến cá tra tại địa phương phù hợp với quy hoạch chung của vùng; cân đối ngân sách địa phương, dành phần vốn thích đáng cùng với nguồn vốn của trung ương để thực hiện Đề án; chỉ đạo xây dựng các dự án cụ thể để trình duyệt theo quy định. Tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước, đặc biệt là kiểm tra chất lượng giống, thức ăn, môi trường, chất lượng sản phẩm, điều kiện sản xuất, kinh doanh; sơ kết, tổng kết hàng năm và báo cáo kết quả thực hiện về Ban Chỉ đạo và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Các Hội, Hiệp hội nghề nghiệp

- Khẩn trương thành lập Hiệp hội cá tra của người nuôi vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nuôi cá tra và giúp tổ chức lại sản xuất của người nuôi, tăng cường sự gắn kết giữa người nuôi với ngân hàng, cơ quan khoa học, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ;

- Hội Nghề cá Việt Nam và Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển có biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các thành viên phát triển, tăng cường quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, ổn định và mở rộng thị trường. Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam có trách nhiệm tham gia xây dựng định hướng chiến lược phát triển thị trường; thường xuyên thông tin về thị trường khu vực và trên thế giới cho doanh nghiệp và người nuôi để chủ động trong sản xuất và kinh doanh xuất khẩu.

Điều 2. Điều khoản thi hành

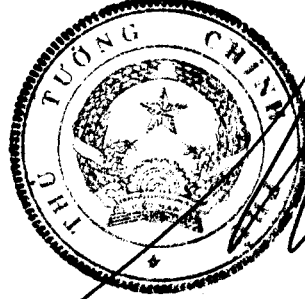
Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng đồng bằng sông Cửu Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố ĐBSCL;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b). XH **140**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Sinh Hùng